

Bản án số: **33 /2021/HNGĐ-PT.**

Ngày 10/11/2021.

V/v: “**Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

-Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương.

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Bà Trần Thị Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/11/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử P thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2021/TLPT- HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ - ST ngày 28/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 33/2021/QĐ-PT ngày 29/10/2021 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (Có mặt)

HKTT: Thôn Thuyền, xã DT, thành phố B, tỉnh B

Chỗ ở: Thôn Dĩnh Lục 1, xã Tân Dĩnh, huyện LG, tỉnh B

****Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thuyền, xã DT, thành phố B, tỉnh B

*** Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị và anh H kết hôn tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2010 tại UBND xã Tân Dĩnh, huyện LG, tỉnh B, được hai gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống riêng tại thôn Thuyền, xã DT. Ban đầu vợ chồng sống H thuận, hạnh P.

Đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh H thường xuyên rượu chè, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gì cho vợ con cũng như không chịu làm ăn gì. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Chị xác định không thể sống chung với anh H nữa nên chị đã mang hai con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2021. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh P, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/10/2011 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/02/2014, hiện các con đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị đang làm công nhân tại công ty may B và nhận hàng gia công về làm thêm tại nhà thu nhập bình quân khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 31/7/2021 bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Nếu chị L cương quyết ly hôn anh chấp nhận. Về con chung anh có nguyện vọng được nuôi hai cháu. Dù các cháu đều trình bày muốn ở với mẹ nhưng đó chỉ là cảm tính nhất thời của trẻ con, anh không đồng ý. Anh cần thêm thời gian khuyên vợ anh nên anh từ chối ký các biên bản

Quá trình Tòa án làm việc với anh H có người làm chứng nhưng anh không đồng ý ký biên bản, anh trình bày như sau: Về thời gian, địa điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh như chị L khai là đúng. Anh xác định, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H thuận, hạnh P đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do kinh tế khó khăn vì công việc của anh thu nhập không ổn định, vợ chồng không H hợp trong đời sống tình cảm, chị L không tôn trọng anh và hay nói những lời lẽ xúc phạm nên anh có tát chị L. Từ tháng 4/2021, chị L đã mang hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm nhưng vì các con anh muốn vợ chồng quay về hàn gắn trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị L trình bày, hiện tại các cháu đều đang ở với chị L và ông bà ngoại. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm nghề thu mua sắt vụn thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án làm việc với hai con chung của anh chị Nguyễn Thanh T và Nguyễn Đức P các cháu đều đề nghị bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Chính quyền địa phương nơi anh H, chị L cư trú cung cấp: Chị L và anh H kết hôn khoảng năm 2010 và sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì địa phương không nắm được. Chỉ biết vợ chồng hiện đã ly thân do chị L đã đưa con chung về nhà bố mẹ để ở từ tháng 4/2021. Anh chị có hai con chung hiện đều đang ở với mẹ. Chị L làm công nhân công ty may B còn anh H là lao động tự do, thu nhập cụ thể của anh chị là bao nhiêu địa phương không nắm được nhưng thời gian làm việc và thu nhập của anh H không ổn định bằng chị L.

Bà Nguyễn Thị Quýt là mẹ đẻ của chị L trình bày: Bà được biết về việc chị L và anh H đang giải quyết ly hôn tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị thì bà biết là do anh H không có nghề nghiệp gì nhưng rất ham chơi và hay rượu chè, cờ bạc. Khoảng tháng 4/2021 thì chị L mang hai con về ở cùng vợ chồng bà. Về việc anh chị ly hôn bà không có ý kiến gì. Chị L và anh H có hai con chung. Bà đồng ý để cho mẹ con chị L về ở cùng vợ chồng bà. Hiện tại trong nhà chỉ có vợ chồng bà, kinh tế của gia đình bà ổn định lại gần trường học nên vợ chồng bà sẽ đảm bảo cuộc sống ổn định, đầy đủ cho mẹ con chị L cả về tinh thần và vật chất.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nhiều lần nhưng không H giải được.

Từ nội dung trên, bản án số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 28/8/2021 của TAND thành phố B đã xét xử, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H
2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/10/2011 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/02/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 20/9/2021 bị đơn là anh Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo không đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa P thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bị đơn anh H cho rằng việc các con anh trình bày ở với mẹ là do cảm tính, không hiểu biết của trẻ con, hiện tại các con đang ở với anh. Anh làm nghề thu mua sắt vụn thu nhập từ 10 triệu đến 15 triệu đồng, anh có thể đảm bảo cho các cháu phát triển tốt về mọi mặt, đề nghị giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng. Trường hợp được nuôi 01 con chung anh đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đức P cho anh nuôi dưỡng. Không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị L tại phiên tòa trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung, chị đồng ý như bản án sơ thẩm đã tuyên. Chị có thu nhập ổn định, chị có thể đảm bảo cho các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Chị không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trường hợp được nuôi 01 con chung chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đức P cho chị nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp P thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự sửa nội dung của bản án sơ thẩm về phần con chung.

Giao con chung Nguyễn Thanh T cho anh H nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Đức P cho chị L nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết do anh chị không yêu cầu

Kháng cáo được chấp nhận 1 phần nên bị đơn không phải chịu án phí P thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án chị L anh H đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L xử cho chị được ly hôn với anh H. Nội dung này anh chị không kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn về nuôi con chung, HĐXX thấy: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đề nghị giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng, anh trình bày anh có công việc ổn định thu nhập của anh từ 10 triệu đến 15 triệu đồng, anh có thể đảm bảo cuộc sống tốt cho các con anh. Sau khi án sơ thẩm xử xong các cháu về ở với anh nên anh đề nghị giao cả hai cháu cho anh nuôi dưỡng nhưng Hội đồng xét xử thấy: Chị L cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị cũng có thu nhập ổn định, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm có hỏi ý kiến các con chung, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cấp sơ thẩm giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh chị đều trình bày cả hai con hiện nay đang ở với bố và anh chị đều tha thiết có nguyện vọng nuôi con chung. Anh chị đều có thu nhập ổn định và đều có điều kiện để nuôi dạy cho các cháu phát triển tốt về mọi mặt do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H, giao cho anh H, chị L mỗi người nuôi 01 con chung. Giao cho anh H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/10/2011 giao cho chị L nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/02/2014 là đảm bảo quyền lợi cho cả anh, chị và con chung.

HĐXX chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn nêu tại phiên tòa. Áp dụng khoản 2, Điều 308 - BLTTDS sửa bản án sơ thẩm số 62/2021/HNGĐ-ST ngày 28/8/2021 của TAND thành phố B, tỉnh B về việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị L anh Nguyễn Văn H.

[3]. Về chi phí tố tụng: do kháng cáo của anh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí P thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148-BLTTDS và khoản 2, Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2, Điều 308 - BLTTDS: Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2021/HNGĐ-ST ngày 28/8/2021 của TAND thành phố B, tỉnh B

2. Căn cứ khoản 3, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; khoản 2, Điều 148- Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 58, 68, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2, Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/10/2011. Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đức P, sinh ngày 17/02/2014.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào do anh chị không yêu cầu.

Anh H, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Án phí P thẩm: Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự P thẩm

Trả lại anh H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/ 2018/0002499 ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP B;
- VKSND tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử;
- Chi cục THADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương